

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20 – 10 – 2021

*“V/v tranh chấp Chia tài sản
chung sau khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Giang Thị Cẩm Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Nhạn

2. Bà Cao Thị Mỹ Phượng

*Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Hải – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thị xã
Giá Rai.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Mộng Đẹp - Kiểm sát viên.*

Ngày 20 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai xét xử
sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 370/2020/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm
2020 về việc tranh chấp “*Chia tài sản chung sau khi ly hôn*” theo Quyết định đưa
vụ án ra xét xử số 65/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2021 giữa các
đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Mai Xuân D** sinh năm 1954, địa chỉ: khóm 5, phường Hộ
P, thị xã G, tỉnh B.

Bị đơn: Bà **Huỳnh Thị Tô U** sinh năm 1958, địa chỉ: khóm 5, phường Hộ P,
thị xã G, tỉnh B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh **Mai Xuân Minh T** sinh năm 1982;

2/ Anh **Mai Xuân Anh K** sinh năm 1985

3/ Chị **Mai Xuân Hoàng N** sinh năm 1988

Cùng ngụ tại địa chỉ: khóm 5, phường Hộ P, thị xã G, tỉnh B.

4/ Ủy ban nhân dân thị xã Giá Rai

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Đỗ Thanh T**, chức vụ: Phó trưởng phòng Tài
nguyên và môi trường thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. Theo văn bản ủy quyền số
1011/UBND ngày 04/12/2020.

(Ông D, bà U, anh Khoa có mặt; ông Đỗ Thanh T, anh Tiến, chị Nhi vắng mặt có đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Mai Xuân D trình bày tại đơn khởi kiện, các lời khai và tại phiên tòa: Ông và bà Huỳnh Thị Tố U chung sống với nhau có 03 người con tên Mai Xuân Minh T sinh năm 1982, Mai Xuân Anh K sinh năm 1985 và Mai Xuân Hoàng N sinh năm 1988. Năm 1980 ông được điều động công tác tại trạm máy kéo huyện Giá Rai (nay là thị xã Giá Rai), thời gian công tác khó khăn về kinh tế, không có chỗ ở nên ông được UBND huyện Giá Rai cấp cho một khu đất tọa lạc tại khóm 5, phường Hộ P, thị xã G, tỉnh B theo Quyết định số 154/QĐUB ngày 04/6/1981 yêu cầu Tòa án phân chia tài sản sau khi ly hôn với bà U gồm tài sản là căn nhà ngang 5m dài 20m; phần đất ngang trước 27,77m, ngang sau 30,17m dài 45,43m tọa lạc tại khóm 5, phường Hộ P, thị xã G, tỉnh B theo hướng chia tỷ lệ ông 6 phần, bà U 4 phần, cụ thể: Ông yêu cầu Tòa án phân chia đất theo thực tế, chia cho ông phần đất giáp hướng đông, giáp với đất bà Trần Thị Bạch Vân (phần đất có nhà ở) theo tỷ lệ 06 phần đất và phần đất còn lại về hướng Tây là của bà U theo tỷ lệ 4 phần. Tính theo giá trị tài sản đã được định thì ai nhận phần tài sản có giá trị nhiều hơn thì người đó hoàn lại phần chênh lệch cho người nhận ít hơn. Tại phiên tòa, bà U có ý kiến là đồng ý nhận 04 phần trong tổng giá trị tài sản nhưng yêu cầu nhận giá trị tài sản và đồng ý giao toàn bộ tài sản hiện vật là nhà và đất cho ông thì cũng ông thống nhất. Ông sẽ hoàn trả giá trị tài sản cho bà U trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày xét xử. Ông yêu cầu con trai tên Mai Xuân Anh K di dời nơi ở sau khi ông đã giao đủ tiền cho bà U.

Bị đơn là bà Huỳnh Thị Tố U trình bày tại các lời khai và tại phiên tòa: Bà thống nhất với lời trình của ông D về số tài sản chung vợ chồng, bà xác định khi ly hôn từ năm 2007 đến nay, bà và ông D chưa giải quyết về tài sản chung. Nay ông D yêu cầu chia tài sản là diện tích đất 1304,3m² và căn nhà gắn liền với đất theo tỷ lệ ông D nhận 06 phần, bà nhận 04 phần thì bà cũng đồng ý nhưng bà yêu cầu nhận phần giá trị tài sản của 04 phần trên tổng giá trị tài sản chung đã được hội đồng định giá, bà đồng ý giao toàn bộ tài sản cho ông D quản lý, sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Mai Xuân Minh T trình bày tại các lời khai: Anh là con của ông Mai Xuân D và bà Huỳnh Thị Tố U. Anh không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với tài sản của cha mẹ. Anh yêu cầu xét xử vắng mặt theo đơn đã gửi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Mai Xuân Anh K trình bày tại các lời khai và tại phiên tòa: Anh không có yêu cầu độc lập hay ý kiến yêu cầu nào khác đối với nguyên đơn, bị đơn, về nội dung tranh chấp là đất và nhà. Anh chỉ yêu cầu Tòa án xét xử theo đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa cha mẹ anh đã thỏa thuận việc phân chia thì anh thống nhất, không ý kiến. Riêng yêu cầu của ông D về việc đề nghị anh di dời ra khỏi nhà sau khi mẹ Uyên anh nhận đủ tiền thì anh đồng ý và sẽ thực hiện đúng lời hứa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Mai Xuân Hoàng N trình bày tại các lời khai: Chị là con của ông Mai Xuân D và bà Huỳnh Thị Tố U. Chị không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với tài sản của cha mẹ. Chị yêu cầu xét xử vắng mặt theo đơn đã gửi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân thị xã Giá Rai do ông Đỗ Thanh T đại diện theo ủy quyền trình bày tại lời khai: Ủy ban nhân dân huyện Giá Rai (nay là thị xã Giá Rai) có cấp cho ông Mai Xuân D nền nhà của ông Phạm Văn Đâu tọa lạc tại khóm 5, phường Hộ P, thị xã G, tỉnh B theo Quyết định số 154/QĐUB ngày 04/6/1981. Hiện tại biên bản đo đạc thực tế tổng diện tích 1304,3m² gồm 02 phần: phần I có diện tích 720,1m² thuộc 1 phần thửa 53, tờ bản đồ số 24 (bản đồ chính quy 750); phần II có diện tích 584,2m² thuộc thửa 52 và 1 phần thửa số 53 tờ bản đồ số 24 (bản đồ chính quy 750); Theo xác định của Phòng Tài nguyên môi trường thị xã Giá Rai tại Công văn số 96/TNMT ngày 21/6/2021 xác định “*diện tích đất 1304,30m² (đã trừ lộ giới 13m) thửa số 53 và thửa số 52 tờ bản đồ số 24 (bản đồ chính quy dự án 750) do bà Huỳnh Thị Tố U đứng tên kê khai trong sổ mục kê, tính đến thời điểm hiện tại chưa được cấp quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân nào*” thì diện tích đất ông Mai Xuân D được cấp theo quyết định số 154/QĐ-UB ngày 04/6/1981 không có phần diện tích ao đầm. Ông đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thị xã Giá Rai tham gia tố tụng không có ý kiến hay yêu cầu gì liên quan đến tranh chấp giữa các đương sự, đề nghị Tòa án thực hiện việc xét xử vụ án đúng theo quy định của pháp luật. Ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt theo đơn đã gửi.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc gửi các văn bản cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng thời hạn. Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi cho những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông D; bị đơn bà U đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71, 72, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ LTTDS 2015; Điều 213 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 33, 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử ghi nhận sự thỏa thuận ông Mai Xuân D và bà Huỳnh Thị Tố U về việc phân chia tài sản chung sau khi ly hôn, cụ thể: Giao ông Mai Xuân D tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất 1304,3m² và căn nhà gắn liền với đất theo biên bản đo đạc, thẩm định tại chỗ lập ngày 13/4/2021. Buộc ông Mai Xuân D có nghĩa vụ hoàn trả 40% giá trị tài sản cho bà Huỳnh Thị Tố U số tiền 1.450.030.800 đồng, giao tiền một lần trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày xét xử. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông D và anh Khoa về việc di dời ra khỏi nhà, anh Mai

Xuân Anh K có nghĩa vụ di dời ra khỏi nhà ông D ngay sau khi ông D giao đủ số tiền cho bà U. Ông Mai Xuân D có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo vị trí, diện tích đất được phân chia khi đã giao đủ số tiền hoàn trả cho bà U và khi bản án có hiệu lực pháp luật. Về chi phí tố tụng và án phí đề nghị áp dụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Đỗ Thanh T, anh Mai Xuân Minh T và chị Mai Xuân Hoàng N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của các đương sự phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, anh T1, chị N theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[2] Về yêu cầu phân chia tài sản chung sau khi ly hôn: Ông Mai Xuân D và bà Huỳnh Thị Tố U thống nhất chung sống có 03 người con tên Mai Xuân Minh T sinh năm 1982, Mai Xuân Anh K sinh năm 1985 và Mai Xuân Hoàng N sinh năm 1988. Năm 2007, ông D và bà U đã thuận tình ly hôn theo Quyết định số 20/2007/QĐST-HNGĐ ngày 07/12/2007 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai. Tại quyết định thể hiện: Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn, về con chung đã trưởng thành không đặt ra xem xét, về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu. Như vậy, về quan hệ tài sản chung giữa ông D, bà U chưa được giải quyết bằng một bản án hay quyết định nào có hiệu lực pháp luật, nay ông D yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung vợ chồng sau khi ly hôn đối với bà U là phù hợp với pháp luật.

[3] Xét yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn của ông Mai Xuân D đối với bà Huỳnh Thị Tố U: Các bên thống nhất tài sản chung gồm:

Phần đất có vị trí, kích thước như sau:

Hướng Đông giáp đất ông Mai Xuân D cạnh dài 46,37m;

Hướng Tây giáp đất Lương Thị V, cạnh dài 39m + 5,63m;

Hướng Nam giáp Lê Văn H cạnh dài 16m + 14,17m;

Hướng Bắc giáp Quốc lộ 1A, cạnh dài 16m + 11,77m

Tổng diện tích 1304,3m² gồm 02 phần: phần I có diện tích 720,1m² thuộc 1 phần thửa 53, tờ bản đồ số 24 (bản đồ chính quy 750); phần II có diện tích 584,2m² thuộc thửa 52 và 1 phần thửa số 53 tờ bản đồ số 24 (bản đồ chính quy 750) và Căn nhà (nhà 1 chiều ngang 5,05, chiều dài 11,85m diện tích 59,84m²; nhà 2 nối liền nhà 1 chiều ngang 7,45m, chiều dài 7,9m diện tích 58,85m²) có tổng diện tích

118,69m² gắn liền với đất phần II. Tài sản là nhà và đất do ông Mai Xuân D đang trực tiếp quản lý, sử dụng.

Tại phiên tòa, các bên thống nhất giá trị tài sản theo biên bản định giá của Hội đồng định giá đã định và thống nhất phân chia như sau: Giao ông Mai Xuân D quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản gồm diện tích đất 1304,3m² và căn nhà gắn liền với đất tọa lạc tại khóm 5, phường Hộ P, thị xã G, tỉnh B; bà U nhận 04 phần của tổng giá trị tài sản theo biên bản định giá gồm:

+ Đất phần I diện tích 720,1m², có giá 2.444.000 đồng/m² x 720,1m² = 1.759.924.000 đồng;

+Đất phần II diện tích 584,2m², có giá 3.111.000 đồng/m² x 584,2m² = 1.817.446.000 đồng;

+ Nhà 1 (trên phần đất thứ II) diện tích 59,84m², có giá 3.470.000 đồng/m² x 20% giá trị còn lại x 59,84m² = 41.528.000 đồng;

+ Nhà 2 (nhà sau gắn liền nhà trước trên phần đất thứ II) diện tích 58,85m², có giá 1.050.000 đồng/m² x 10% giá trị còn lại x 58,85m² = 6.179.000 đồng.

Tổng giá trị đất là 1.759.924.000 + 1.817.446.000 = 3.577.370.000 đồng; tổng giá trị nhà là 41.528.000 + 6.179.000 = 47.707.000 đồng. Tổng giá trị nhà và đất là 3.625.077.000 đồng.

Như vậy, giá trị 04 phần trên tổng giá trị tài sản của bà U mà ông D có nghĩa vụ giao trả bà U là 1.450.030.800 đồng. Ông Mai Xuân D có nghĩa vụ hoàn giao bà U số tiền 1.450.030.800 đồng (một tỉ bốn trăm năm mươi triệu không trăm ba mươi ngàn tám trăm đồng). Thời gian và phương thức hoàn trả: Ông D có trách nhiệm giao nhận 01 lần số tiền 1.450.030.800 đồng cho bà U trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày xét xử.

[4] Xét về thỏa thuận di dời nơi ở giữa ông Mai Xuân D và anh Mai Xuân Anh K: Hội đồng xét xử xét thấy ông D và anh Khoa đã thỏa thuận được việc di dời nơi ở ngay sau khi ông D hoàn trả đủ số tiền chia tài sản cho bà U. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó anh Mai Xuân Anh K có trách nhiệm di dời ra khỏi nhà ông D ngay sau khi bà Huỳnh Thị Tố U nhận đủ số tiền chia tài sản.

Ông Mai Xuân D nhận toàn bộ tài sản chung và có nghĩa vụ hoàn trả giá trị tài sản chia cho bà U nên ông Mai Xuân D được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký, làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất theo vị trí, diện tích đất đã được kiểm tra, thẩm định ngày 13/4/2021 sau khi đã hoàn giao đủ tiền cho bà U và khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai là phù hợp với quy định nên HĐXX ghi nhận.

[6] Về chi phí xem xét, đo đạc, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng chi phí là 7.592.280 đồng, ông Mai Xuân D đã dự nộp đủ và các bên thống nhất sẽ

chịu theo quy định của pháp luật. Căn cứ quy định tại các Điều 157, 165 và 166 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng thì bà Huỳnh Thị Tố U và ông Mai Xuân D cùng phải chịu theo tỷ lệ giá trị tài sản mà các bên đương sự được chia, ông D được chia 06 phần sẽ chịu nộp chi phí tố tụng là 4.555.368 đồng; bà U phải chịu 3.036.912 đồng. Ông D đã dự nộp đủ nên bà Tố Uyên phải có nghĩa hoàn trả cho ông D số tiền 3.036.912 đồng.

[7] Án phí sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì các đương sự phải chịu án phí trên giá trị tài sản được chia nhưng ông D, bà U có đơn xin miễn tiền án phí do thuộc đối tượng người cao tuổi, có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú nên ông D, bà U được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; các đương sự còn lại không phải chịu án phí.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 59, 62 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 213 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/- Về việc phân chia tài sản: Ghi nhận sự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản chung sau khi ly hôn giữa ông Mai Xuân D và bà Huỳnh Thị Tố U, cụ thể:

- Giao ông Mai Xuân D được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất 1304,3m², đất có vị trí, kích thước như sau:

Hướng Đông giáp đất ông Mai Xuân D cạnh dài 46,37m;

Hướng Tây giáp đất Lương Thị V, cạnh dài 39m + 5,63m;

Hướng Nam giáp Lê Văn H cạnh dài 16m + 14,17m;

Hướng Bắc giáp Quốc lộ 1A, cạnh dài 16m+ 11,77m.

Tổng diện tích đất 1304,3m² gồm 02 phần: phần I có diện tích 720,1m² thuộc 1 phần thửa 53, tờ bản đồ số 24 (bản đồ chính quy 750); phần II có diện tích 584,2m² thuộc thửa 52 và 1 phần thửa số 53 tờ bản đồ số 24 (bản đồ chính quy 750) và Căn nhà (nhà 1 chiều ngang 5,05, chiều dài 11,85m diện tích 59,84m²; nhà 2 nối liền nhà 1 chiều ngang 7,45m, chiều dài 7,9m diện tích 58,85m²) có tổng diện tích 118,69m² gắn liền với đất phần II (có sơ đồ bản vẽ kèm theo), đất và nhà cùng tọa lạc tại khóm 5, phường Hộ P, thị xã G, tỉnh B.

Chia bà Huỳnh Thị Tố U 40% giá trị tài sản trong tổng số tài sản chung 3.625.077.000 đồng đã thỏa thuận là 1.450.030.800 đồng;

Buộc ông Mai Xuân D có nghĩa vụ hoàn giao bà Huỳnh Thị Tố U số tiền 1.450.030.800 đồng (một tỉ bốn trăm năm mươi triệu không trăm ba mươi ngàn tám trăm đồng). Thời gian và phương thức hoàn trả: Ông D có trách nhiệm giao nhận 01 lần số tiền 1.450.030.800 đồng cho bà U trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày xét xử (ngày 20/10/2021).

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông Mai Xuân D và anh Mai Xuân Anh K về việc di dời nơi ở: Anh Mai Xuân Anh K có nghĩa vụ di dời ra khỏi nhà ông Mai Xuân D ngay sau khi ông D hoàn trả đủ số tiền chia tài sản cho bà Huỳnh Thị Tố U.

2/- Ông Mai Xuân D được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký, làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất theo vị trí, diện tích đất đã được kiểm tra, thẩm định ngày 13/4/2021 đã nêu trên sau khi đã hoàn giao đủ tiền cho bà Huỳnh Thị Tố U và khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3/- Về chi phí xem xét, đo đạc, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Căn cứ quy định tại các Điều 157, 165 và 166 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tổng chi phí là 7.592.280 đồng, ông Mai Xuân D đã dự nộp đủ nên bà Huỳnh Thị Tố U có nghĩa vụ hoàn trả cho ông D số tiền 3.036.912 đồng.

4/- Án phí sơ thẩm: Các bên đương sự được miễn theo quy định.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thị xã Giá Rai;
- Chi cục THA thị xã Giá Rai; ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Giang Thị Cẩm Thúy